

Số: **1853**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **22** tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng
áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Xây dựng áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:


- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC-VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC_{2b}, NC.

CHỦ TỊCH *TC*



[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Chính



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH XÂY DỰNG ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

| 1 | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|--|--|--------------------------|---|---|
| 1 | Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng (09 TTHC) | | | | | |
| 1 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) (cấp huyện) BXD-QTR-263470 | - Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh: + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. - Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh: + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C. | Bộ phận một của của UBND của cấp huyện | Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI | Thông tư số 209/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. |
| 2 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP BXD-QTR-263406 | Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận một của của UBND của cấp huyện | Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI | Thông tư số 209/2016/TT-BTC; Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính | - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở; Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng |
| 3 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại Khoản 12 | - Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá 30 ngày. - Đối với các công trình còn | Bộ phận một của của UBND của cấp | Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI | Thông tư số 209/2016/TT-BTC; Thông tư | |

| | | | | | | |
|---|---|--|------------------------------------|--------------------------|---|--|
| | Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) (cấp huyện) BXD-QTR-263471 | lại: không quá 20 ngày. | huyện | | số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính | |
| 4 | Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. BXD-QTR-263407 | - Đối với công trình của tổ chức: không quá 30 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày. | Bộ phận một của cửa UBND huyện cấp | Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI | - Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP | |
| 5 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. BXD-QTR-263421 | - Đối với công trình của tổ chức: không quá 30 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày. | Bộ phận một của cửa UBND huyện cấp | Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI | - Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. |
| 6 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. BXD-QTR-263422 | - Đối với công trình của tổ chức: không quá 30 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày. | Bộ phận một của cửa UBND huyện cấp | Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI | - Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP | |
| 7 | Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. BXD-QTR-263408 | - Đối với công trình của tổ chức: không quá 30 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày. | Bộ phận một của cửa UBND huyện cấp | Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI | - Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP | |
| 8 | Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, | Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận một của cửa | Nộp hồ sơ trực | 50.000đ/GP | |

| | | | | | | |
|--|---|---|-----------------------------------|---------------------------------|---|--|
| | <p>trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.</p> <p>BXD-QTR-263419</p> | | UBND huyện | cấp tiếp/BCCI | | |
| 9 | <p>Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.</p> <p>BXD-QTR-263420</p> | <p>Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | <p>Bộ phận một của UBND huyện</p> | <p>Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI</p> | <p>- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP</p> | <p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> |
| II Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc (02 TTHC) | | | | | | |
| 1 | <p>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.</p> <p>BXD-QTR-263369</p> | <p>25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> | <p>Bộ phận một của UBND huyện</p> | <p>Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI</p> | <p>Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng</p> | <p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. - Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy</p> |

| | | | | | | |
|---|--|---|---------------------------------------|---------------------------------|---|---|
| | | | | | | hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. |
| 2 | <p>Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện</p> <p>BXD-QTR-263365</p> | <p>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP): 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | <p>Bộ phận một của UBND cấp huyện</p> | <p>Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI</p> | <p>Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng</p> | <p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;</p> <p>- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.</p> <p>- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.</p> <p>- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.</p> <p>- Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.</p> |